

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu 1. Loại hình giao thông vận tải nào sau đây phát triển sẽ phát huy được thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong hội nhập quốc tế?

- A. Đường hàng không và đường biển. B. Đường ô tô và đường sắt.
C. Đường biển và đường sông. D. Đường ô tô và đường hàng không.

Câu 2. Hoạt động nội thương phát triển mạnh ở những vùng có

- A. hàng hóa ít. B. kinh tế chậm phát triển.
C. dân cư đông. D. giao thông còn khó khăn.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Ngoại thương của nước ta trong thời kì Đổi mới?

- A. Thị trường buôn bán mở rộng theo hướng chuyên môn hóa, đa phương hóa.
B. Việt Nam đã trở thành viên Tổ chức thương mại thế giới.
C. Có quan hệ buôn bán với phần lớn các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới.
D. Nước ta có cán cân xuất nhập khẩu luôn luôn xuất siêu.

Câu 4. Nét đặc trưng cơ bản về vị trí của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. giáp một vùng kinh tế, giáp biển. B. có biên giới chung với hai nước, giáp biển.
C. giáp Trung Quốc, giáp một vùng kinh tế. D. giáp Lào, không giáp biển.

Câu 5. Khí hậu có mùa đông lạnh của Trung du và miền núi Bắc Bộ là thế mạnh đặc biệt để phát triển các cây có nguồn gốc nào sau đây?

- A. Ôn đới, nhiệt đới. B. Cận nhiệt, xích đạo.
C. Cận nhiệt, nhiệt đới. D. Cận nhiệt, ôn đới.

Câu 6. Nhà máy thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có công suất lớn nhất cả nước là

- A. Hòa Bình. B. Thác Bà. C. Sơn La. D. Tuyên Quang.

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 7. (3,0 điểm)

a) Điều kiện tự nhiên của Đồng bằng sông Hồng có những thuận lợi gì cho phát triển kinh tế - xã hội?

b) Nêu tầm quan trọng của hệ thống đê điều ở Đồng bằng sông Hồng.

Câu 8. (4,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

Giá trị sản xuất công nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn 2010 - 2022 (giá thực tế)

Năm	2010	2015	2017	2020	2022
Giá trị sản xuất công nghiệp (nghìn tỉ đồng)	69,0	138,5	175,1	193,5	231,2

(Nguồn; Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Dựa vào bảng số liệu và kiến thức đã học, em hãy:

a) Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện giá trị sản xuất công nghiệp của Bắc Trung Bộ giai đoạn 2010 - 2022.

b) Nhận xét về giá trị sản xuất công nghiệp của Bắc Trung Bộ thời kì trên.

----- Hết -----

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	C	D	B	D	C

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 7 (3,0 điểm)	a. Điều kiện tự nhiên ở ĐB sông Hồng có những thuận lợi gì cho sự phát triển kinh tế-xã hội	2,00
	- Thuận lợi:	
	+ Vị trí địa lí: gần các vùng nguyên liệu lớn của cả nước, có vùng biển thuận lợi để phát triển kinh tế, có Hà Nội là thủ đô - trung tâm văn hóa chính trị, đầu mối giao thông quan trọng...	0,25
	+ Địa hình: Khá bằng phẳng thuận lợi xây dựng cơ sở hạ tầng	
	+ Khí hậu: Nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh → trồng các loại cây nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới;	0,25
	+ Nguồn nước: Dồi dào, nhiều sông lớn → cung cấp nước tưới cho sản xuất và phục vụ sinh hoạt;	0,25
	+ Đất đai: Chủ yếu là đất phù sa màu mỡ → trồng cây lương thực (lúa nước); cây công nghiệp ngắn ngày...	0,25
	+ Khoáng sản: Than nâu; đất sét; khí thiên nhiên → công nghiệp khai khoáng; vật liệu xây dựng..	0,25
	+ Sinh vật: Nguồn sinh vật biển phong phú → phát triển hoạt động nuôi trồng và đánh bắt thủy sản	0,25
	+ Tài nguyên du lịch phong phú → phát triển du lịch	0,25
	b. Tầm quan trọng của hệ thống đê điều ở Đồng bằng sông Hồng:	
	- Giảm thiệt hại của lũ lụt hàng năm do sông Hồng gây ra, đặc biệt vào mùa mưa bão.	0,25
	- Giúp cho nông nghiệp thâm canh, tăng vụ...	0,25

		1,00 0,50 0,50
Câu 8 (4,0 điểm)	a. Vẽ biểu đồ - Dạng biểu đồ: Cột đơn (các loại biểu đồ khác không cho điểm) - Chính xác, đầy đủ số liệu trên biểu đồ, có chú giải, tên biểu đồ (thiếu mỗi yêu cầu trừ 0,25 điểm) b. Nhận xét: - Trong giai đoạn 2010-2022 giá trị sản xuất công nghiệp của BTB tăng nhanh và tăng liên tục từ 69,0 nghìn tỉ đồng lên 231,2 nghìn tỉ đồng (tăng gấp 3,35 lần); - Mặc dù tốc độ tăng khá nhanh song tỉ trọng so với cả nước vẫn còn thấp	2,50 1,50 1,00 0,50
TỔNG ĐIỂM TOÀN BÀI		10,00